

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc trợ cấp xã hội cho sinh viên chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 25 tháng 08 năm 1998 về trợ cấp xã hội và Quyết định số 194/2001/QĐ - TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội;

Căn cứ Thông báo số 649/TB-ĐHTM-CTSV ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc thực hiện trợ cấp xã hội cho sinh viên đại học chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tài chính Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐHTM ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định thu chi nội bộ trong Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp trợ cấp xã hội cho 21 sinh viên dân tộc thiểu số có hộ khẩu ở vùng cao, sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo có cố gắng trong học tập và rèn luyện (lấy kết quả học tập, rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024).

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Mức trợ cấp:

- SV nghèo vượt khó, khuyết tật, mồ côi: 100.000 đ/1SV/1tháng x 6tháng = 600.000đ
- SV dân tộc thiểu số có hộ khẩu ở vùng cao: 140.000đ/1SV/1tháng x 6tháng= 840.000đ

Tổng số tiền trợ cấp: **16.680.000 đ**

(Bằng chữ: Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước và Quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch Tài chính; Trưởng các Khoa/Viện quản lý sinh viên; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu P.CTSV, VT

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**THƯƠNG MẠI**  
PGS, TS Nguyễn Đức Nhuận

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo quyết định số 2268/QĐ-ĐHTM ngày 29 tháng 11 năm 2024)

ĐVT: VND

TT	HỌ VÀ TÊN	MSV	LỚP HC	ĐTB HT	XLRL	DT	ĐT	MỨC TC	THỜI GIAN TC (tháng)	THÀNH TIỀN = MỨC TC * THỜI GIAN TC
1	Tàng Thị Phương	21D100134	K57A1			Tày	DTC	140,000	6	840,000
2	Nguyễn Hương Chà	21D100155	K57A2			Tày	DTC	140,000	6	840,000
3	Lang Thị Triệu Vi	21D100333	K57A5			Thái	DTC	140,000	6	840,000
4	Lô Trần Linh Chi	22D100042	K58A4			Thái	DTC	140,000	6	840,000
5	Đình Quỳnh Như	22D100231	K58A4			Tày	DTC	140,000	6	840,000
6	Nguyễn Tiến Dũng	22D100070	K58A4			Tày	DTC	140,000	6	840,000
7	Đàm Thị Trà My	21D111264	K57B3KD			Tày	DTC	140,000	6	840,000
8	Hà Thị Xuân Diệu	23D110066	K59BKS2			Tày	DTC	140,000	6	840,000
9	Nông Phương Linh	22D121066	K58CD2			Nùng	DTC	140,000	6	840,000
10	Hoàng Thị Lan Hương	22D150077	K58D1			Tày	DTC	140,000	6	840,000
11	Lương Thị Giao	23D150146	K59D4			Thái	DTC	140,000	6	840,000
12	Lý Thị Hiền	22D150061	K58D3			Nùng	DTC	140,000	6	840,000
13	Trần Thị Hạnh	22D140076	K58I5			Nùng	DTC	140,000	6	840,000
14	Thang Thị Tuyền	21D170189	K57N2			Tày	DTC	140,000	6	840,000
15	Triệu Hương Giang	22D170049	K58N2			Nùng	DTC	140,000	6	840,000
16	Lường Như Nam	21D170219	K57N3			Tày	DTC	140,000	6	840,000
17	Lý Cờ Mây	21D170308	K57N5			Dao	DTC	140,000	6	840,000
18	Đặng Đình Tâm	23D120040	K59C1	3.25	Tốt		Hộ nghèo	100,000	6	600,000
19	Nguyễn Thị Linh	22D120110	K58C4	3.35	Tốt		Hộ nghèo	100,000	6	600,000
20	Lê Thị Minh Huyền	21D170256	K57N4	3.76	Xuất sắc		Hộ nghèo	100,000	6	600,000
21	Nguyễn Thị Hương Giang	23D150011	K59D1	3.38	Tốt		Hộ nghèo	100,000	6	600,000
<b>TỔNG CỘNG</b>										<b>16,680,000</b>

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI  
PGS. TS Nguyễn Đức Nhuận

